



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.03242

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận
sản phẩm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản:**

Tên sản phẩm	: KHÔ DẦU ĐẬU TƯƠNG (BRASIL SOYABEAN MEAL)
Số lượng/ khối lượng	: Hàng xá/ 5.250.000 kg
Hãng, nước sản xuất	: Brazil
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: EGS11837.000 ngày 23/10/2024
Hóa đơn số	: EGS12501485 ngày 07/7/2025
Vận đơn số	: STBZSBM02
Ngày sản xuất	: Không xác định (Hàng xá)
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: Số 5760/HQ-GDK-TTKN ngày 29/7/2025 (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038105)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH CARGILL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô 29, KCN Biên Hòa 2, P.Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 2037 /QĐ-TTKN
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGŨ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.03243

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận
sản phẩm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản:**

Tên sản phẩm	: KHÔ DẦU ĐẬU TƯƠNG (ARGENTINE SOYABEAN MEAL)
Số lượng/ khối lượng	: Hàng xá/ 1.472.100 kg
Hãng, nước sản xuất	: Argentina
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: SBM-CARGILLVNTRD-241017-JUN25' (NVN) ngày 17/10/2024
Hóa đơn số	: IN 182051 ngày 12/6/2025
Vận đơn số	: SNSBM02
Ngày sản xuất	: Không xác định (Hàng xá)
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: Số 5755/HQ-GDK-TTKN ngày 29/7/2025 (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038053)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH CARGILL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô 29, KCN Biên Hòa 2, P.Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận
Số: 2037 /QĐ-TTKN
Ngày 12 tháng 8 năm 2025



Trần Thanh Tùng



BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	MÃ SỐ MẪU	QUY CHUẨN ÁP DỤNG	TÊN SẢN PHẨM/CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	GHI CHÚ
Công ty TNHH Cargill Việt Nam 06/08/2025	0825046/HQV2	QCVN 01 -190: 2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT	KHÔ DẦU ĐẬU TƯƠNG (ARGENTINE SOYABEAN MEAL) <i>Aflatoxin B1 (µg/kg)</i> <i>Protein thô (%)</i>	BNNPTNT 29250038053
	0825047/HQV2	QCVN 01 -190: 2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT	KHÔ DẦU ĐẬU TƯƠNG (BRASIL SOYABEAN MEAL) <i>Aflatoxin B1 (µg/kg)</i> <i>Protein thô (%)</i>	BNNPTNT 29250038105

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2025

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Phạm Hồng Quân

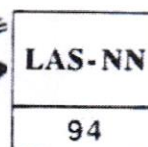
2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

Gửi mẫu			Phòng thử nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ giờ, ngày .../.../....)		
Bùi Trọng Đoàn	ASTAC 2	17h30 ngày 06/08/2025	ASTAC 1	



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 3048 / 2025 / HQ

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/ Address: 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại/Tel: 0964122045. - Email: ttnknphianam@gmail.com
Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name:
Địa chỉ/ Address:
Mã số thuế/ Tax code:
E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
1.	0825046/HQV2	Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản có nguồn gốc loại khác từ thực vật	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Aflatoxin B1 (µg/kg) Protein thô (%)	QCVN 01 -190: 2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1:2021 QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT	
2.	0825047/HQV2	Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản có nguồn gốc loại khác từ thực vật	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Aflatoxin B1 (µg/kg) Protein thô (%)	QCVN 01 -190: 2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1:2021 QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT	

d. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose:
☐ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other:
Trà kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☐ Email (bản ký số/digital signature)
Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐
Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☐ Không/No
Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):

Người gửi mẫu/
Customer

Phạm Hồng Quân

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

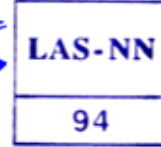
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 07-08-2025
Ngày dự kiến tra kết quả / Expected date of issue: 14-08-2025
Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact
Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen
Ghi chú/note:

Người nhận
mẫu/
Recipient



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 10792/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản và chăn nuôi
Mã số mẫu/Sample code : 30482508404
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 07/08/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 07/08/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0825046/HQV2	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
	Protein thô (*)(**)	%	45,2	TCVN 4328-2:2011

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 11/08/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]
Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

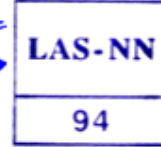
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 10793/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản và chăn nuôi
Mã số mẫu/Sample code : 30482508405
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 07/08/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 07/08/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0825047/HQV2	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
	Protein thô (*)(**)	%	46,3	TCVN 4328-2:2011

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 11/08/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



[Signature]

Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]